TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **636**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 07 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số: 773/2026/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Bùi Thị Hương G, sinh năm 1979

CCCD số 025179009308; Nơi thường trú: P57B1, TT V, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Ông Trương Ngọc N, sinh năm 1972

CCCD số 038072000047; Nơi thường trú: P57B1, TT V, phường Đ, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

[2]. Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Hương G và ông Trương Ngọc N cùng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Bùi Thị Hương G và ông Trương Ngọc N xác nhận có 02 con chung là cháu Trương Ngọc Lâm U, sinh ngày 06/06/2006 và cháu Trương Ngọc Nguyên V, sinh ngày 06/03/2008. Hiện nay hai con chung của ông, bà đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung (bao gồm động sản và bất động sản), nợ chung: Bà Bùi Thị Hương G và ông Trương Ngọc N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Bà Bùi Thị Hương G và ông Trương Ngọc N không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì khác.

2. Về lệ phí: Bà Bùi Thị Hương G và ông Trương Ngọc N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0013981 ngày 10/06/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. (Phòng THADS khu vực 2 - thành phố Hà Nội)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội;
- Phòng THADS KV2 - thành phố Hà Nội;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI
Thẩm phán

Lê Thị Thu Hường